

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

QUÝ 2 NĂM 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	101.444.185.601	135.512.297.441	228.170.815.404	225.786.477.660
2. Các khoản giảm trừ	03	VI.26	920.945.455	167.273.333	3.454.968.729	5.732.657.705
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10	VI.27	100.523.240.146	135.345.024.108	224.715.846.675	220.053.819.955
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	51.167.855.274	70.437.765.479	113.324.154.179	111.320.197.270
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		49.355.384.872	64.907.258.629	111.391.692.496	108.733.622.685
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	21.089.893.267	10.298.336.664	28.529.318.617	12.886.392.010
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	(3.968.569.913)	16.296.493.900	(4.516.190.013)	16.296.501.402
8. Chi phí bán hàng	24		96.418.543	85.703.831	216.538.643	1.691.092.946
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.704.286.246	14.208.319.933	24.979.811.671	20.569.970.856
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		60.613.143.263	44.615.077.629	119.240.850.812	83.062.449.491
11. Thu nhập khác	31	VI.30a	1.640.304.068	949.686.581	4.758.823.736	3.315.129.010
12. Chi phí khác	32		590.106.885	10.366.423	635.263.631	277.597.201
13. Lợi nhuận khác	40		1.050.197.183	939.320.158	4.123.560.105	3.037.531.809
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong Cty liên kết, LD	50		-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (60=30+40+50)	60		61.663.340.446	45.554.397.787	123.364.410.917	86.099.981.300
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	VI.31	10.787.959.743	18.946.225.728	20.901.255.459	33.691.908.165
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		50.875.380.703	26.608.172.059	102.463.155.458	52.408.073.135
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		1.818.110.629	217.002.319	2.829.882.783	658.209.304
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Cty mẹ (*)	72		49.057.270.074	26.391.169.740	99.633.272.675	51.749.863.831
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80		2.019,60	1.150,01	3.668,46	2.253,01

* Gồm lãi phải chia cho các bên góp vốn hợp tác kinh doanh Bình An 2 (Q1/2009)

11.200.000.000 đồng

* Gồm lãi phải chia cho các bên góp vốn thành lập Cty TNHH XD Phong Đức (Q2/2009)

866.875.000 đồng

Lập ngày 22 tháng 7 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TỔNG GIÁM ĐỐC






Lê Ngọc Châu

Quan Minh Tuấn

Lê Chi Hiền